

UBND HUYỆN SÓC TRĂNG 61/KH-UBND

Nam Định, ngày 05 tháng 6 năm 2018

CÔNG VĂN ĐẾN

Số...1005

Ngày...6...tháng 6...năm 2018...

KẾ HOẠCH

Thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc bổ sung kinh phí năm 2018 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm hộ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tăng thu nhập của người dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo thông qua triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

Chuyên giao tiến bộ KHKT để nâng cao nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn phát triển sản xuất của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua các lớp tập huấn.

2. Yêu cầu

- Công khai, dân chủ trong việc xây dựng và thực hiện dự án;
- Triển khai đúng đối tượng; đúng nội dung, định mức được phê duyệt;
- Nội dung các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của địa phương và nhu cầu, điều kiện, khả năng của các hộ tham gia dự án;

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng hỗ trợ

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm hộ, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Điều kiện hỗ trợ

- Đối với Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

+ Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, định hướng, nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương;

+ Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu sản xuất của hộ nghèo, cận nghèo;

+ Đảm bảo công khai, dân chủ, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án;

+ Các đối tượng tham gia dự án được hỗ trợ tùy theo nội dung của dự án.

- Đối với hộ nghèo, cận nghèo:

+ Có điều kiện về đất đai, lao động và tư liệu sản xuất đáp ứng với nội dung của dự án;

+ Có cam kết thực hiện đúng các nội dung sản xuất đã đăng ký;

- Về nhóm hộ:

+ Các thành viên trong nhóm có đất đai, lao động, tư liệu sản xuất phù hợp với nội dung của dự án

+ Có cam kết thực hiện đúng các nội dung sản xuất đã đăng ký.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Hỗ trợ một lần, trực tiếp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế chi phí mua con giống, thức ăn hỗ trợ trong chăn nuôi; Hỗ trợ nâng cao nhận thức, khả năng, kỹ năng vận dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất để phát triển kinh tế.

4. Các dự án thành phần theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg

4.1. Kinh phí nhà nước thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế:

- Tổng số: 5 tiểu dự án;

- Tên dự án: Dự án chăn nuôi gà thịt (3 dự án); Dự án chăn nuôi gà thả vườn (1 dự án) và dự án chăn nuôi ngan có giá trị kinh tế cao (1 dự án)

- Địa điểm thực hiện: xã Nam Thanh huyện Nam Trực; xã Hải Hưng huyện Hải Hậu; xã Xuân Thủy huyện Xuân Trường; xã Yên Thành huyện Ý Yên và xã Giao Long huyện Giao Thủy;

- Quy mô: 175 hộ (35 hộ/dự án); 17.500 con giống (bình quân 100 con/hộ);

- Mục tiêu: khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, hỗ trợ cho các hộ phát triển chăn nuôi để tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân góp phần tích cực giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn;

- Nội dung, mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ vật tư thiết yếu:

Hỗ trợ 100% chi phí mua con giống;

Hỗ trợ 70% chi phí mua thức ăn hỗn hợp đến khi xuất chuồng (3 tháng);

Tổng mức hỗ trợ không quá 9 triệu đồng/hộ;

+ Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn cho các hộ tham gia dự án và kinh phí triển khai, giám sát;

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.910,4 triệu đồng; Trong đó:

+ Kinh phí nhà nước hỗ trợ: 1.434,155 triệu đồng,

Gồm: *Hỗ trợ vật tư trực tiếp cho hộ: 1.324,855 triệu đồng đồng;*
Chi phí triển khai: 89,5 triệu đồng;
Chi phí kiểm tra, giám sát: 19,8 triệu đồng;
(Chi tiết tại phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm)

+ Vốn đối ứng của người dân: 476,245 triệu đồng;

- Nguồn kinh phí: theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh Nam Định;

- Thời gian thực hiện: 3 tháng, hoàn thành xong trước 15/12/2018.

4.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực, tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

- Tổng số lớp: 5 lớp;

- Tổng số lao động được tập huấn: 175 người; bình quân 35 người/lớp;

- Đối tượng: là lao động của các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

- Thời gian tổ chức lớp: 2 ngày/lớp;

- Địa điểm thực hiện: xã Nam Thanh huyện Nam Trực; xã Hải Hưng huyện Hải Hậu; xã Xuân Thủy huyện Xuân Trường; xã Yên Thành huyện Ý Yên và xã Giao Long huyện Giao Thủy;

- Mục tiêu: nâng cao nhận thức và khả năng, kỹ năng vận dụng kiến thức khoa học kỹ thuật vào xây dựng, thực hiện kế hoạch sản xuất của các hộ để phát triển sản xuất, tăng thu nhập;

- Nội dung: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc, phòng chống, xử lý dịch bệnh đối với gà, ngan và kỹ thuật xây dựng chuồng trại; thức ăn dùng trong chăn nuôi gà, ngan;

- Phương thức thực hiện: tổ chức các lớp tập huấn;

- Tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ: 103,845 triệu đồng;

(Chi tiết tại phụ lục 4 đính kèm)

- Nguồn kinh phí: theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh Nam Định;

- Thời gian thực hiện: từ tháng 6/2017 đến tháng 11/2018;

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan chủ trì xây dựng, tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018 ngay sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

- Cơ quan chủ trì dự án, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; trực tiếp tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT theo đúng đối tượng, định mức phê duyệt;

- Hướng dẫn thủ tục, thanh quyết toán kinh phí thực hiện với Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị cấp trên đảm bảo theo đúng quy định;

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có) để thúc đẩy việc thực hiện; Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện dự án trên địa bàn và báo cáo theo quy định;

2. UBND các huyện, thành phố

- Giao phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát các hộ tham gia dự án đảm bảo đúng đối tượng hỗ trợ; Tiếp nhận hồ sơ dự án, thẩm định, tham mưu cho UBND huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) phê duyệt;

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Phát triển nông thôn) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các dự án; tổng hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, định mức thực hiện các dự án;

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định và theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. UBND cấp xã/HTX nông nghiệp

- Phổ biến kế hoạch thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và phát đơn cho các hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để đăng ký;

- Căn cứ đơn đăng ký của các hộ, tổ chức họp bình xét có sự tham gia của các hộ; tổng hợp danh sách các hộ đăng ký tham gia dự án, xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (theo hướng dẫn của Chi cục Phát triển nông thôn), lập hồ sơ trình UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

- Tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định và theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018; Yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Chi cục Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để kịp thời xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các xã triển khai Dự án;
- CPVP UBND tỉnh (qua Email);
- Chi cục Phát triển nông thôn - Sở NN&PTNT;
- Lưu: VP1; VP3, VP7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lê Đoàn

Phụ Lục 1:



DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số: 61/KH-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh)

1. Tên dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi gà thịt; Số lượng dự án: 3 dự án
2. Địa điểm triển khai: xã Nam Thanh, huyện Nam Trục; xã Hải Hưng huyện Hải Hậu; xã Xuân Thủy huyện Xuân Trường
3. Quy mô: 105 hộ; bình quân 35 hộ/dự án/điểm triển khai
4. Kinh phí nhà nước hỗ trợ: 830.160.000 đồng, cụ thể:

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Chi phí đầu tư dự án			Hỗ trợ của nhà nước				Đối ứng của các hộ dân (1.000 đồng)	Ghi chú	
			Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Định mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (1.000 đồng)					
							Tổng số	Nam Trục	Hải Hậu			Xuân Trường
I	Chi phí vật tư				1,050,000		765,660	255,220	255,220	255,220	284,340	
1	Con giống (35 hộ/DA x 3 DA x 100 con/hộ)	Con	10,500	20	210,000	100	210,000	70,000	70,000	70,000		
2	Thức ăn hỗn hợp (10.500 con x 2,8 kg x 1.8kg/con)	Kg	52,920	15	793,800	70	555,660	185,220	185,220	185,220	238,140	
3	Vắc xin Newcastle (10.500 con x 2 liều)	Liều	21,000	2	46,200						46,200	
II	Chi phí triển khai				53,700	100	53,700	17,900	17,900	17,900		
1	Tập huấn kỹ thuật				25,875		25,875	8,625	8,625	8,625		
	Tài liệu (35 hộ/DA x 3 dự án = 105 hộ)	Bộ	105	10	1,050		1,050	350	350	350		
	Văn phòng phẩm (35 hộ/DA x 3 dự án = 105 hộ)	Bộ	105	15	1,575		1,575	525	525	525		
	Nước uống (35 hộ/DA x 3 DA=105 hộ)	Người	105	40	4,200		4,200	1,400	1,400	1,400		
	Thù lao giảng viên (2 buổi/DA x 3 dự án = 6)	Buổi	6	300	1,800		1,800	600	600	600		
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (35 hộ x 3 DA = 105)	Người	105	150	15,750		15,750	5,250	5,250	5,250		
	Chi khác (hoa tươi, cắt chữ, coi xe ...) 1 ngày/DA x 3 dự án = 3 ngày	ngày	3	500	1,500		1,500	500	500	500		
2	Tổng kết Mô hình				23,325		23,325	7,775	7,775	7,775		
	Nước uống (45 người/DA x 3 dự án = 135 người)	Người	135	40	5,400		5,400	1,800	1,800	1,800		

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Chi phí đầu tư dự án			Hỗ trợ của nhà nước				Đối ứng của các hộ dân (1.000 đồng)	Ghi chú	
			Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Định mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (1.000 đồng)					
							Tổng số	Chia theo huyện				
						Nam Trực	Hải Hậu	Xuân Trường				
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương (35 hộ/DA x 3 dự án = 105 hộ)	Người	105	150	15,750		15,750	5,250	5,250	5,250		
	Báo cáo tổng kết (45 người/DA x 3 dự án = 135)	Bộ	135	5	675		675	225	225	225		
	Chi khác (hoa tươi, cắt chữ, coi xe ...) 1 ngày/DA x 3 dự án = 3 ngày	Ngày	3	500	1,500		1,500	500	500	500		
3	<i>Thuê cán bộ khuyến nông chỉ đạo: 3 tháng/DA x 3 dự án = 9 tháng</i>	<i>Tháng</i>	<i>9</i>	<i>500</i>	<i>4,500</i>		<i>4,500</i>	<i>1,500</i>	<i>1,500</i>	<i>1,500</i>		
III	Quản lý dự án, kiểm tra giám sát				10,800	100	10,800	3,600	3,600	3,600		
1	Chi phí thuê xe kiểm tra, giám sát (3 chuyến/DA x 3 dự án = 9 chuyến)	Chuyến	9	900	8,100		8,100	2,700	2,700	2,700		
2	Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ kiểm tra, giám sát mô hình (2 người/DA x 3 ngày/DA x 3 DA = 18)	Ngày	18	150	2,700		2,700	900	900	900		
	Tổng cộng				1,114,500		830,160	<i>276,720</i>	<i>276,720</i>	<i>276,720</i>	284,340	

Phụ Lục 2



DỰ TOÁN CHI TIẾT DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

(Kèm theo Kế hoạch số: 61/KH-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh)

1. Tên dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi gà thả vườn
2. Địa điểm triển khai: xã Yên Thành huyện Ý Yên
3. Quy mô: 35 hộ
4. Kinh phí nhà nước hỗ trợ: 305.620.000 đồng, cụ thể

TT	Nội dung	ĐVT	Chi phí đầu tư dự án			Hỗ trợ từ Nhà nước		Chi phí các hộ dân (1.000 đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Định mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (1.000 đồng)		
I	Chi phí vật tư				376,600		283,220	93,380	
1	Giống gà 3 máu (35 hộ x 100 con/hộ = 3.500 con)	Con	3,500	28.0	98,000	100	98,000	0	
2	Thức ăn hỗn hợp (3.500 con x 2,8 kg x 1.8 kg/con)	Kg	17,640	15.0	264,600	70	185,220	79,380	
3	Vắc xin Newcastle (3.500 con x 2 liều)	Liều	7,000	2.0	14,000			14,000	
II	Chi phí triển khai				17,900		17,900		
1	Tập huấn kỹ thuật				8,625	1	8,625	0	
	Tài liệu	Bộ	35	10	350		350		
	Văn phòng phẩm	Bộ	35	15	525		525		
	Nước uống	Người	35	40	1,400		1,400		
	Thù lao giảng viên	Buổi	2	300	600		600		
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	35	150	5,250		5,250		
	Chi khác (hoa tươi, cắt chữ, coi xe ...)	ngày	1	500	500		500		
2	Tổng kết Mô hình				7,775	1	7,775		
	Nước uống	Người	45	40	1,800		1,800		
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương	Người	35	150	5,250		5,250		
	Báo cáo tổng kết	Bộ	45	5	225		225		

TT	Nội dung	ĐVT	Chi phí đầu tư dự án			Hỗ trợ từ Nhà nước		Chi phí các hộ dân (1.000 đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Định mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (1.000 đồng)		
	Chi khác (hoa tươi, cắt chữ, coi xe ...)			500	500		500		
3	<i>Thuê cán bộ khuyến nông chỉ đạo</i>	<i>Tháng</i>	3	500	1,500	1	1,500		
III	Quản lý dự án, kiểm tra giám sát				4,500	1	4,500	0	
1	Chi phí thuê xe kiểm tra, giám sát	Chuyến	3	1,200	3,600		3,600		
2	Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ kiểm tra, giám sát mô hình (2 người x 3 ngày = 6)	Ngày	6	150	900		900		
3	Chi khác (VPP)								
	Tổng cộng				399,000		305,620	93,380	

Phụ Lục 3:



DỰ TOÁN CHI TIẾT DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

(Kèm theo Kế hoạch số: 61/KH-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh)

1. Tên dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất chăn nuôi ngan thịt
2. Địa điểm triển khai: xã Giao Long huyện Giao Thủy
3. Quy mô: 35 hộ
4. Kinh phí nhà nước hỗ trợ: 298.375.000 đồng, cụ thể:

TT	Nội dung	ĐVT	Chi phí đầu tư dự án			Hỗ trợ từ Nhà nước		Chi phí các hộ dân (1.000 đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Định mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (1.000 đồng)		
I	Chi phí vật tư				374,500		275,975	98,525	
1	Con giống							0	
	- Giống ngan đực (35 hộ x 50 con/hộ = 1.750 con)	Con	1,750	30.0	52,500	100	52,500		
	- Giống ngan cái (35 hộ x 50 con/hộ = 1.750 con)	Con	1,750	15.0	26,250	100	26,250		
2	Thức ăn hỗn hợp (2.8 kg/con x 2.5kg/con x 3.500 con)	Kg	24,500	11.5	281,750	70	197,225	84,525	
3	Vắc xin Newcastle (3.500 con x 2 liều)	Liều	7,000	2.0	14,000			14,000	
II	Chi phí triển khai				17,900		17,900		
1	Tập huấn kỹ thuật				8,625	1	8,625	0	
	Tài liệu	Bộ	35	10	350		350		
	Văn phòng phẩm	Bộ	35	15	525		525		
	Nước uống	Người	35	40	1,400		1,400		
	Thù lao giảng viên	Buổi	2	300	600		600		
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người	35	150	5,250		5,250		
	Chi khác (hoa tươi, cắt chữ, coi xe ...)	ngày	1	500	500		500		
2	Tổng kết Mô hình				7,775	1	7,775		
	Nước uống	Người	45	40	1,800		1,800		
	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương	Người	35	150	5,250		5,250		

TT	Nội dung	ĐVT	Chi phí đầu tư dự án			Hỗ trợ từ Nhà nước		Chi phí các hộ dân (1.000 đồng)	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Định mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (1.000 đồng)		
	Báo cáo tổng kết	Bộ	45	5	225		225		
	Chi khác (hoa tươi, cắt chữ, coi xe ...)			500	500		500		
3	<i>Thuê cán bộ khuyến nông chỉ đạo</i>	<i>Tháng</i>	3	500	1,500	1	1,500		
III	Quản lý dự án, kiểm tra giám sát				4,500	1	4,500	0	
1	Chi phí thuê xe kiểm tra, giám sát	Chuyến	3	1,200	3,600		3,600		
2	Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ kiểm tra, giám sát mô hình (2 người x 3 ngày = 6)	Ngày	6	150	900		900		
3	Chi khác (VPP)								
	Tổng cộng				396,900		298,375	98,525	

Phụ lục: 4



DỰ TOÁN KINH PHÍ TẬP HUẤN NGOÀI MÔ HÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số: 61/KH-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh)

1. Địa điểm thực hiện: các huyện Nam Trực, Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy và Ý Yên (tại các xã triển khai dự án)
2. Đối tượng: Hộ nghèo, cận nghèo tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để giảm nghèo
3. Thời gian tổ chức lớp: 2 ngày/lớp

TT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Định mức (1.000 Đồng)	Thành tiền (1.000 Đồng)					
					Tổng số	Trong đó chia theo các huyện				
						Nam Trực	Hải Hậu	Xuân Trường	Giao Thủy	Ý Yên
	Tổng số học viên	Người	175							
	- Hộ nghèo, cận nghèo		175		35	35	35	35	35	
	Số lớp	Lớp	5		1	1	1	1	1	
	Số ngày/lớp	Ngày	2		2	2	2	2	2	
1	Phụ cấp Giảng viên				8,500	1,700	1,700	1,700	1,700	1,700
	- Tiền thù lao Giảng viên (2 buổi/ngày x 2 ngày x 5 lớp = 20 buổi)	Buổi	20	300	6,000	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200
	- Tiền công tác phí	Ngày	10	150	1,500	300	300	300	300	300
	- Hỗ trợ tiền ngủ cho giảng viên (5 lớp x 1 đêm/lớp = 5 đêm)	Đêm	5	200	1,000	200	200	200	200	200
2	Hỗ trợ học viên không hưởng lương				52,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
	- Tiền ăn học viên (175 người x 2 ngày = 350 người)	Người	350	150	52,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
3	Chi phục vụ trực tiếp lớp tập huấn				31,750	6,350	6,350	6,350	6,350	6,350
	- Tiền tài liệu (300 đồng/trang x 50 trang)	Bộ	175	15	2,625	525	525	525	525	525
	- Tiền VPP	Bộ	175	15	2,625	525	525	525	525	525
	- Tiền nước uống (175 người x 2 ngày = 350 người)	Người	350	40	14,000	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800
	- Chi phí thuê thiết bị giảng dạy	Ngày	10	1,000	10,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
	- Chi phí khác (hoa, maket, vệ sinh, coi xe...v.v....)	Lớp	5	500	2,500	500	500	500	500	500

4	Chi phí quản lý, chi khác				11,095	1,900	1,900	1,900	2,200	2,200
	- Hỗ trợ tiền ngủ cho BTC lớp (2 người/lớp x 5 lớp x 1 đêm/lớp = 10 đêm)	Ngày	10	200	2,000	400	400	400	400	400
	- Hỗ trợ công tác phí cho BTC lớp (2 người/lớp x 5 lớp x 2 ngày/lớp = 20 ngày)	Ngày	20	150	3,000	600	600	600	600	600
	- Chi thuê xe đưa đón giảng viên, chở nước uống, VPP. ..	Chuyến			5,100	900	900	900	1,200	1,200
	- Chi phí làm thêm giờ, VPP cho BTC và chi khác				995					
	Tổng cộng				103,845	20,450	20,450	20,450	20,750	20,750